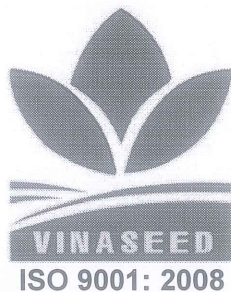


CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Số 1 Lương Định Của -Phường Mai -Đống Đa-Hà Nội



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Kính gửi :

Hà Nội T8-2014

CÔNG TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG TW

Địa chỉ : Số 1 Lương Định Của, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		490,657,495,570	347,080,557,892
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		135,016,899,897	54,122,278,528
1. Tiền	111	V.01	32,516,899,897	24,803,774,980
2. Các khoản tương đương tiền	112		102,500,000,000	29,318,503,548
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		150,166,189,499	133,931,947,388
1. Phải thu của khách hàng	131		140,614,187,967	129,985,760,207
2. Trả trước cho người bán	132		7,364,679,110	3,338,851,604
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	5,894,319,867	3,266,344,352
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3,706,997,445)	(2,659,008,775)
IV. Hàng tồn kho	140		187,652,289,253	157,261,771,278
1. Hàng tồn kho	141	V.04	189,539,378,218	158,657,902,071
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1,887,088,965)	(1,396,130,793)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		17,822,116,921	1,764,560,698
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		522,719,081	1,109,348,198
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		19,000,000	0
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	0	0
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		17,280,397,840	655,212,500
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		327,708,903,190	92,442,804,101
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II. Tài sản cố định	220		69,566,693,676	66,631,302,682
1. TSCĐ hữu hình	221	V.08	54,165,017,011	55,258,926,351
- Nguyên giá	222		102,377,371,984	95,584,250,460
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(48,212,354,973)	(40,325,324,109)
3. TSCĐ vô hình	227	V.10	6,779,762,001	5,737,453,667
- Nguyên giá	228		10,993,387,000	9,066,787,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4,213,624,999)	(3,329,333,333)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	8,621,914,664	5,634,922,664
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		238,093,545,965	5,501,123,166
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		226,875,473,265	2,567,797,166
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	12,242,080,000	3,944,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(1,024,007,300)	(1,010,674,000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		984,907,769	1,720,417,157
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	984,907,769	1,720,417,157
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	0	0
3. Tài sản dài hạn khác	268		0	
VI. Lợi thế thương mại			19,063,755,780	18,589,961,096
CỘNG	270		818,366,398,760	439,523,361,993

Báo cáo tài chính này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị : VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		125,997,486,094	112,319,344,688
I. Nợ ngắn hạn	310		125,306,453,174	112,238,020,688
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	5,950,000,000	0
2. Phải trả người bán	312		48,199,842,767	55,073,922,728
3. Người mua trả tiền trước	313		2,887,459,654	8,598,225,285
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V..16	2,970,291,347	3,753,812,673
5. Phải trả người lao động	315		34,657,931,863	24,250,073,965
6. Chi phí phải trả	316	V.17	1,148,808,801	805,930,040
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	9,033,928,130	5,216,330,414
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		20,458,190,612	14,539,725,583
II. Nợ dài hạn	330		691,032,920	81,324,000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		0	0
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19	0	0
3. Phải trả dài hạn	333		0	0
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	0	32,500,000
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		0	0
6. Phải trả dài hạn khác	337		691,032,920	0
7. Doanh thu chưa thực hiện	338		0	48,824,000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		686,639,267,077	322,996,555,453
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	686,639,267,077	322,996,555,453
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		152,950,000,000	100,298,380,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		331,245,527,850	54,797,592,850
4. Cổ phiếu quỹ	414		0	0
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		0	0
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		126,234,871,832	77,136,109,555
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		17,823,890,859	13,013,067,593
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		58,122,848,536	77,489,277,455
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		262,128,000	262,128,000
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
1. Nguồn kinh phí	432	V.23	-	0
C. Lợi ích của cổ đông thiểu số			5,729,645,589	4,207,461,852
CỘNG	440		818,366,398,760	439,523,361,993

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị : VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
1. Tài sản thuê ngoài		0	
2. Vật tư, hàng hoá giữ hộ, nhận gia công		2,006,386,527	2,221,386,527
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		0	0
4. Nợ khó đòi đã xử lý		208,213,500	208,213,500
5. Ngoại tệ các loại		0	0
5A.USD		21,900.61	30,017.61
5B.CNY		41,523.25	41,521.42
5C.SGD		0	316
5D.LAK		1,000,000	1,000,000
5. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Lập, ngày 08 tháng 08 năm 2014

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Như Quỳnh

Phan Thế Tý

Trần Kim Liên

CÔNG TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG TW

Địa chỉ : Số 1 Lương Định Của, Phường Mai, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ ngày 01/04/2014 đến ngày 30/06/2014

Đơn vị : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý này		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.25	233,390,343,961	192,008,053,085	405,033,094,465	333,541,330,304
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		11,980,006,700	12,066,118,460	18,341,817,950	25,678,597,910
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		221,410,337,261	179,941,934,625	386,691,276,515	307,862,732,394
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	125,517,282,955	106,698,199,455	235,570,840,442	188,288,545,174
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		95,893,054,306	73,243,735,170	151,120,436,073	119,574,187,220
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	945,037,092	1,823,903,308	1,875,814,833	2,734,448,974
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	309,219,139	(190,115,512)	215,886,039	(187,591,444)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		28,375,000	2,131,449	28,375,000	4,655,517
8. Chi phí bán hàng	24		42,251,910,195	30,082,343,414	58,026,152,798	42,578,515,758
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		20,051,969,932	14,978,008,150	33,753,120,878	26,114,328,098
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		34,224,992,132	30,197,402,426	61,001,091,191	53,803,383,782
11. Thu nhập khác	31		578,931,314	295,545,075	817,620,197	478,028,417
12. Chi phí khác	32		476,006,717	161,622,414	559,403,221	203,622,414
13. Lợi nhuận khác	40		102,924,597	133,922,661	258,216,976	274,406,003
14. Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết	45		1,130,442,386	(138,779,543)	1,130,442,386	(138,779,543)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		35,458,359,115	30,192,545,544	62,389,750,553	53,939,010,242
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	54	VI.30	464,973,011	679,756,157	704,882,895	974,674,187
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		34,993,386,104	29,512,789,387	61,684,867,658	52,964,336,055
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		735,588,389	294,855,647	885,750,725	340,928,505
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62		34,257,797,715	29,217,933,740	60,799,116,933	52,623,407,550
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		3,416	2,913	5,652	5,247

Lập, ngày 08 tháng 08 năm 2014

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGƯỜI LẬP BIỂU

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Như Quỳnh

Phan Thế Tỷ

Trần Kim Liên

Báo cáo tài chính này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo.

ĐƠN VỊ: CÔNG TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG TW

Địa chỉ: Số 1 Lương Định Của - Phường Mai - Đống Đa - Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Tại ngày 30/06/2014

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		355,161,622,107	308,922,299,941
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(281,967,723,147)	(207,306,651,016)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(30,574,269,985)	(21,370,229,368)
4. Tiền chi trả lãi vay	4		(28,375,000)	(4,655,517)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5		(884,984,049)	(1,665,996,526)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		24,565,424,012	9,017,093,403
7. Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh	7		(60,923,163,151)	(32,645,551,358)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5,348,530,787	54,946,309,559
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			-	-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(9,353,156,000)	(2,003,691,150)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		236,749,895	2,675,030,000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(233,063,248,586)	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,319,455,618	2,677,858,215
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(240,860,199,073)	3,349,197,065
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			-	-
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		329,231,825,000	0
2. Tiền chi trả v/góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã p/hành	32		(102,270,000)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		106,700,000,000	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(104,000,000,000)	(93,481,000)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(15,418,533,000)	(242,654,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		316,411,022,000	(336,135,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		80,899,353,714	57,959,371,624
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		54,122,278,528	49,657,164,227
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(4,732,345)	101,476,489
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		135,016,899,897	107,718,012,340

Ngày 05 tháng 08 năm 2014

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Như Quỳnh

Phan Thê Tỷ

Trần Kim Liên

Báo cáo tài chính này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương được cổ phần hoá từ Doanh nghiệp nhà nước mang tên Công ty Giống cây trồng Trung ương 1 thành Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương theo Quyết định số 5029 QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 11 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103003628 ngày 06 tháng 02 năm 2004. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi bổ sung về vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh của Công ty đã lần lượt được chứng nhận tại Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103003628 thay đổi lần 2 ngày 25/09/2006, thay đổi lần 3 ngày 16/11/2006, thay đổi lần 4 ngày 02/11/2007, thay đổi lần 5 ngày 21/04/2008, thay đổi lần thứ 6 ngày 22/09/2009, thay đổi lần 7 ngày 11/11/2010, thay đổi lần 8 ngày 23/09/2011, thay đổi lần 9 ngày 21/01/2013, thay đổi lần 10 ngày 30/06/2014.

Ngày 30/06/2014, công ty hoàn tất việc đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10, có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp mới số 0101449271. Theo đó:

Ngành, nghề kinh doanh của Công ty bao gồm: Trồng trọt; Kinh doanh giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; Xuất nhập khẩu trực tiếp về giống cây trồng và vật tư phục vụ sản xuất giống cây trồng; Gia công, chế biến, đóng gói, bảo quản giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; Kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính tại số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội. Ngoài ra, Công ty còn có các đơn vị trực thuộc, Công ty con và Công ty liên kết như sau:

1. Đơn vị trực thuộc :

- Các Chi nhánh:

- + Chi nhánh Miền Trung
- + Chi nhánh Thái Bình
- + Chi nhánh Miền Trung và Tây Nguyên
- + Chi nhánh Thanh Hóa

- Các Xí nghiệp:

- + Xí nghiệp Đồng Văn
- + Xí nghiệp Ba Vì

- Đơn vị trực thuộc khác:

- + Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ.
- + Văn phòng đại diện tại tỉnh Udomxay
- + Trại thực nghiệm Khoái Châu
- + Nhà máy chế biến Thường Tín

2. Công ty con :

- + Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây
- + Công ty Cổ phần Giống Nông lâm nghiệp Quảng Nam

3. Công ty liên kết: Công ty Cổ phần cây trồng Miền Nam.

Đến ngày 30 tháng 06 năm 2014, tổng số cán bộ nhân viên Công ty và Công ty con là 336 người.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ

3. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo Tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương và báo cáo tài chính của các Công ty con - Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây và Công ty CP Giống Nông lâm nghiệp Quảng Nam được lập cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày cuối kỳ kế toán. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của Công ty con.

Lợi ích cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty mẹ và công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

4.3. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty và Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

Trong Báo cáo Tài chính hợp nhất, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, các khoản góp vốn liên kết được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc và được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư.

4.4. Lợi thế thương mại

Trên Báo cáo tài chính hợp nhất lợi thế thương mại là phần phụ trội giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

4.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.6. Các giao dịch ngoại tệ

Căn cứ Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài Chính Quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong năm được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính. Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ của các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc là ngoại tệ vào ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với đồng USD, các đồng tiền khác thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

4.7. Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTT ngày 7 tháng 9 năm 2009 của Bộ Tài Chính

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc năm tài chính.

4.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá hàng tồn kho và đảm bảo giá trị được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thị trường có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ hàng tồn kho và chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

- Giá trị nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, thành phẩm, hàng hoá được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là giá vốn nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung theo định mức hoạt động bình thường

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 “Hàng tồn kho” và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.9. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi TSCĐ được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình và khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với qui định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/05/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản cho mục đích tính toán này như sau:

Loại tài sản cố định:	Thời gian (năm)
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	
Máy móc, trang thiết bị	5 – 7
Thiết bị văn phòng	5 – 6
Phương tiện vận tải	6-10
Nhà cửa vật kiến trúc	10 – 25
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	
Bản quyền, bằng sáng chế	5

4.10. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản đầu tư khác của Công ty được phản ánh trong Báo cáo tài chính theo giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được lập dựa trên giá trị bị tổn thất do các loại chứng khoán đầu tư của Công ty có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán của khoản đầu tư vào ngày kết thúc năm kế toán. Các khoản tăng, giảm số dự phòng này được ghi nhận vào khoản mục chi phí tài chính và doanh thu tài chính trong năm tài chính.

4.11. Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay, có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

4.12. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng. Chi phí trả trước dài hạn sẽ được phân bổ dần trong thời gian được ước tính hợp lý kể từ khi phát sinh, tối đa không quá 3 năm.

4.13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa thanh quyết toán tại thời điểm lập báo cáo tài chính được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trên cơ sở nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi quyết toán các chi phí đó, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.14. Vốn chủ sở hữu

Cho đến ngày kết thúc năm tài chính, các cổ đông đã góp vốn cổ phần vào Công ty như sau:

Nhà đầu tư	Vốn điều lệ		
	Theo Giấy chứng nhận kinh doanh (VND)	Vốn thực góp (VND)	%
Các cổ đông	152,950,000,000	152,950,000,000	100%

4.15. Doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao hoặc dịch vụ đã được cung cấp cho người mua và Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá và được khách hàng chấp nhận thanh toán, đồng thời xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ. Doanh thu không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi lợi ích kinh tế hoặc liên quan đến hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi, tiền cho vay và lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện. Lãi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn được ghi nhận trên cơ sở thông báo lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng hoặc được ghi nhận theo lãi suất quy định trong hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

4.16. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính chủ yếu là các khoản chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư phát sinh trong năm. Trong đó, chi phí lãi tiền vay bao gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn và dài hạn của Công ty.

Chi phí lãi vay được ghi nhận theo số lãi vay thực tế phải trả được xác định trên cơ sở nợ gốc, lãi suất vay và thời gian vay trong năm.

4.17. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Sản phẩm giống cây trồng do Công ty sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

Đối với các dịch vụ chế biến nông sản, thuế suất thuế GTGT: 10%

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Theo các quy định về ưu đãi miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Công ty mẹ là doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo Giấy chứng nhận số 03/DNKHCN của Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 3 năm 2011. Căn cứ Nghị định 96/2010/NĐ-CP ngày 20/09/2010 của Chính phủ và Căn cứ Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế TNDN, Công ty được miễn, giảm thuế TNDN đối với kết quả sản xuất kinh doanh hình thành từ sản phẩm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ với điều kiện doanh thu của sản phẩm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ năm thứ nhất đạt 30%, năm thứ 2 đạt 50%, từ năm thứ 3 trở đi đạt 70% tổng doanh thu. Năm 2014 là năm thứ 4 Công ty đáp ứng được điều kiện trên.

Công ty con và các khoản thu nhập khác của công ty mẹ áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hàng năm là 22%.

Các loại thuế, phí, lệ phí khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/06/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Tiền mặt tại quỹ	13,523,502,056	4,554,097,398
Tiền gửi ngân hàng	18,993,397,841	20,249,677,582
Các khoản tương đương tiền	102,500,000,000	29,318,503,548
Cộng	135,016,899,897	54,122,278,528

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

5.1. Các khoản phải thu khác

	30/06/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Phải thu DTQG	1,358,682,277	
Phải thu khác	4,535,637,590	3,266,344,352
Cộng	5,894,319,867	3,266,344,352

5.2. Hàng tồn kho

	30/06/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Nguyên liệu, vật liệu	17,511,797,660	12,500,183,824
Công cụ, dụng cụ	446,878,812	22,113,760
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2,575,639,353	2,734,604,670
Thành phẩm	164,192,365,336	112,518,242,764
Hàng hoá	4,812,697,057	30,882,757,053
Cộng	189,539,378,218	158,657,902,071
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1,887,088,965)	(1,396,130,793)
Giá trị thuần của hàng tồn kho	187,652,289,253	157,261,771,278

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

5.3. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng
I. Nguyên giá						
1. Số đầu năm	49,969,940,542	29,690,392,195	15,098,354,723	665,563,000	160,000,000	95,584,250,460
2.Tăng trong năm	4,299,411,196	2,572,312,420	481,670,900	35,000,000	0	7,388,394,516
-Mua trong năm	-	-	-	35,000,000	-	35,000,000
-Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	0
-Tăng khác (công ty con QSC)	4,299,411,196	2,572,312,420	481,670,900	-	-	7,353,394,516
3. Giảm trong năm	595,272,992	-	-	-	-	595,272,992
-Thanh lý, nhượng bán	595,272,992	0	0	0	0	595,272,992
-Giảm khác	0	0	0	0	0	0
4. Số cuối năm	53,674,078,746	32,262,704,615	15,580,025,623	700,563,000	160,000,000	102,377,371,984
II. Giá trị hao mòn						0
1. Số đầu năm	19,581,068,310	14,822,474,662	5,264,821,579	501,709,527	155,250,031	40,325,324,109
2. Tăng trong năm	3,595,110,657	3,542,182,710	1,223,854,922	33,009,094	4,749,969	8,398,907,352
-Khấu hao trong năm	1,521,122,500	2,172,834,828	792,699,190	33,009,094	4,749,969	4,524,415,581
-Tăng khác (công ty con QSC)	2,073,988,157	1,369,347,882	431,155,732	0	0	3,874,491,771
3. Giảm trong năm	511,876,488	0	0	0	0	511,876,488
-Thanh lý, nhượng bán	0	0	0	0	0	0
-Giảm khác	511,876,488	0	0	0	0	511,876,488
4. Số cuối kỳ	22,664,302,479	18,364,657,372	6,488,676,501	534,718,621	160,000,000	48,212,354,973
III. Giá trị còn lại						0
1.Tại ngày đầu năm	30,388,872,232	14,867,917,533	9,833,533,144	163,853,473	4,749,969	55,258,926,351
2.Tại ngày cuối năm	31,009,776,267	13,898,047,243	9,091,349,122	165,844,379	0	54,165,017,011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

5.4. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền bằng phát minh	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng
A. Nguyên giá					
1. Số đầu năm	2,395,787,000	6,600,000,000	71,000,000	-	9,066,787,000
2. Tăng trong năm	-	1,911,600,000	15,000,000		1,926,600,000
-Mua trong năm	-	1,685,000,000			1,685,000,000
-Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp		226,600,000	15,000,000		241,600,000
-Tăng khác	-			-	-
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-
-Thanh lý, nhượng bán				-	-
-Giảm khác				-	-
4. Số dư cuối kỳ	2,395,787,000	8,511,600,000	86,000,000	-	10,993,387,000
B. Giá trị hao mòn					
1. Số đầu năm	120,000,000	3,138,333,333	71,000,000	-	3,329,333,333
2. Tăng trong năm	-	869,291,666	15,000,000	-	884,291,666
-Khấu hao trong năm	-	755,991,666	-	-	755,991,666
-Tăng khác	-	113,300,000	15,000,000	-	128,300,000
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-
-Thanh lý, nhượng bán					-
-Giảm khác					-
4. Số dư cuối kỳ	120,000,000	4,007,624,999	86,000,000	-	4,213,624,999
C. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	2,275,787,000	3,461,666,667	-	-	5,737,453,667
2. Tại ngày cuối kỳ	2,275,787,000	4,503,975,001	-	-	6,779,762,001

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

5.5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Tổng số chi phí XDCB dở dang, trong đó:		
<i>Dự án xây dựng nhà cao tầng</i>	2,113,446,664	2,113,446,664
<i>Dự án xây dựng nhà làm việc.</i>	5,887,876,000	2,900,884,000
<i>Công trình khác</i>	620,592,000	620,592,000
Cộng	8,621,914,664	5,634,922,664

5.6. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	30/06/2014		01/01/2014	
	Số lượng (CP)	Giá trị (VND)	Số lượng (CP)	Giá trị (VND)
-Công ty CP Giống cây trồng Miền Nam (SSC)				
<i>Giá trị đầu tư vào Công ty liên kết</i>	3,688,517	226,435,521,713		
<i>Lợi nhuận (lỗ) từ công ty liên kết</i>		439,951,552		
-Công ty cổ CP Giống nông lâm nghiệp Quảng Nam (QSC)			208,650	2,567,797,166
Cộng		226,875,473,265	208.650	2,567,797,166

Tỷ lệ phần sở hữu

SSC : 24,7%

QSC : 41,73%

5.10. Đầu tư dài hạn khác

	30/06/2014 Giá trị (VND)	01/01/2014 Giá trị (VND)
Đầu tư dài hạn khác	12,242,080,000	3,944,000,000
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư	(1,024,007,300)	(1,010,674,000)
Giá trị thuần của khoản đầu tư	11,218,072,700	2,933,326,000

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

5.7. Lợi thế thương mại

ĐVT : VND

Khoản mục	HSC	QSC	Cuối kỳ
1. Nguyên giá	26,557,087,281	1,847,845,178	28,404,932,459
Đầu năm	26,557,087,281		26,557,087,281
Tăng trong kỳ		1,847,845,178	1,847,845,178
2. Khấu hao	9,294,980,549	46,196,129	9,341,176,678
Đầu năm	7,967,126,185		7,967,126,185
Tăng trong năm	1,327,854,364	46,196,129	1,374,050,493
3. Giá trị còn lại	17,262,106,732	1,801,649,049	19,063,755,781

5.8. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Chi phí trả trước dài hạn	984,907,769	1,720,417,157
Cộng	984,907,769	1,720,417,157

5.9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Thuế giá trị gia tăng	130,781,081	115,569,899
Thuế thu nhập doanh nghiệp	511,536,403	691,637,557
Thuế thu nhập cá nhân	1,069,335,200	2,011,697,313
Tiền thuê đất, thuế đất	1,236,132,431	918,622,674
Thuế khác	22,506,232	16,285,230
Cộng	2,970,291,347	3,753,812,673

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

5.10. Chi phí phải trả

	30/06/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Chi phí phải trả	1,148,808,801	805,930,040
Cộng	1,148,808,801	805,930,040

5.11. Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Vay ngắn hạn	2,700,000,000	
Nợ dài hạn đến hạn	3,250,000,000	
Cộng	5,950,000,000	

5.12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Phải trả tiền cổ tức	478,736,830	
Phải trả tiền giống gốc	984,550,275	970,720,275
Phải trả về cổ phần hóa	1,994,974,934	
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5,575,666,091	4,245,610,139
Cộng	9,033,928,130	5,216,330,414

5.13. Doanh thu chưa thực hiện

	30/06/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Doanh thu chưa thực hiện		48,824,000
Cộng		48,824,000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

5.18. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Vốn khác	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7	8
Số dư đầu năm trước	100,298,380,000	54,797,592,850	0	56,695,016,847	9,096,851,620	262,128,000	46,516,069,259	267,666,038,576
Lợi nhuận thuần trong năm							95,460,226,306	95,460,226,306
Cổ tức năm							(30,090,087,700)	(30,090,087,700)
Trích lập quỹ từ LNST				20,431,492,707	3,916,215,973		(24,347,708,680)	0
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi							(6,244,305,333)	(6,244,305,333)
Thù lao HĐQT và thưởng BDH							(3,718,785,475)	(3,718,785,475)
Giảm khác				9,600,001			(86,130,922)	(76,530,921)
Số dư cuối năm trước	100,298,380,000	54,797,592,850	0	77,136,109,555	13,013,067,593	262,128,000	77,489,277,455	322,996,555,453
Phát hành trong năm	52,651,620,000	276,447,935,000						329,099,555,000
Lợi nhuận thuần trong năm nay							60,799,116,933	60,799,116,933
Mua cổ phiếu quỹ			(102,270,000)					(102,270,000)
Bán cổ phiếu quỹ			102,270,000					102,270,000
Trích lập quỹ từ LNST				50,561,413,037	4,810,823,266		(55,372,236,303)	0
Cổ tức năm 2013							(15,029,416,500)	(15,029,416,500)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi							(9,551,421,049)	(9,551,421,049)
Thù lao HĐQT và thưởng BDH							(212,472,000)	(212,472,000)
Sử dụng quỹ				(1,462,650,760)				(1,462,650,760)
Số dư cuối năm	152,950,000,000	331,245,527,850	0	126,234,871,832	17,823,890,859	262,128,000	58,122,848,536	686,639,267,077

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

	30/06/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Vốn góp của Nhà nước	0	11,054,160,000
Vốn góp của đối tượng khác	152,950,000,000	89,244,220,000
Cộng	152,950,000,000	100,298,380,000
Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 Cổ phiếu		

Các quỹ của doanh nghiệp

	30/06/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Quỹ đầu tư phát triển	126,234,871,832	77.136.109.555
Quỹ dự phòng tài chính	17,823,890,859	13.013.067.593
Cộng	144,058,762,691	90.149.177.148

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ để đầu tư phục vụ cho nghiên cứu, tái sản xuất và dự phòng rủi ro tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

5.19. Lợi ích của Cổ đông thiểu số

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VND)	Thặng dư vốn cổ phần (VND)	Quỹ đầu tư phát triển (VND)	Quỹ dự phòng tài chính (VND)	Cổ phiếu quỹ (VND)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (VND)	Cộng (VND)
A	1	2	3	4	5	6	7
Số dư tại ngày đầu năm	2,628,100,000	9,240,000	599,737,101	208,379,387	(1,155,000)	763,160,364	4,207,461,852
Phát sinh trong kỳ							
Tăng trong kỳ do hợp nhất	1,094,400,000	69,899,328	301,388,406	35,179,636		(344,906,580)	1,155,960,790
Lợi nhuận thuần trong năm						885,750,725	885,750,725
Cổ tức năm 2013						(394,067,520)	(394,067,520)
Trích lập quỹ từ LNST			97,411,458	32,470,486		(129,881,944)	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi						(58,932,258)	(58,932,258)
Giảm khác						(66,770,688)	(66,770,688)
Số dư cuối kỳ	3,722,500,000	79,139,328	998,536,965	276,029,509	(1,155,000)	654,352,099	5,729,402,901

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 06 năm 2014

6. Công cụ Tài chính**6.1. Công cụ quản lý rủi ro vốn**

	30/06/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Tài sản tài chính		
Tiền	135,016,899,897	54,122,278,528
Phải thu khách hàng và phải thu khác	142,801,510,389	130,593,095,784
Đầu tư ngắn hạn	-	-
Đầu tư dài hạn khác	11,218,072,700	2,933,326,000
Tổng cộng	289,036,482,986	187,648,700,312
Trong đó		
Dưới 1 năm		
Tiền	135,016,899,897	54,122,278,528
Phải thu khách hàng và phải thu khác	142,801,510,389	130,593,095,784
Đầu tư ngắn hạn	-	-
Đầu tư dài hạn khác		
Tổng cộng	277,818,410,286	184,715,374,312
Từ 1 đến 5 năm		
Tiền		
Phải thu khách hàng và phải thu khác		
Đầu tư ngắn hạn		
Đầu tư dài hạn khác	11,218,072,700	2,933,326,000
Tổng cộng	11,218,072,700	2,933,326,000

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo cho hoạt động của công ty được liên tục đồng thời tối đa hóa lợi ích của cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 06 năm 2014

6.2. Công cụ quản lý rủi ro tín dụng

Công nợ tài chính	30/06/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Các khoản vay	5,950,000,000	-
Phải trả khách hàng và phải trả khác	57,001,545,898	59,755,640,505
Chi phí phải trả	1,148,808,801	805,930,040
Tổng cộng	64,100,354,699	60,561,570,545
Trong đó		
Dưới 1 năm		
Các khoản vay	5,950,000,000	-
Phải trả khách hàng và phải trả khác	57,001,545,898	59,755,640,505
Chi phí phải trả	1,148,808,801	805,930,040
Tổng cộng	64,100,354,699	- 60,561,570,545
Từ 1 đến 5 năm		
Các khoản vay	-	-
Phải trả khách hàng và phải trả khác		
Chi phí phải trả		
Tổng cộng	-	-

Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi, đánh giá tình hình để có phương pháp, chính sách quản trị tín dụng phù hợp nhất nhằm hạn chế rủi ro tối đa đồng thời đảm bảo đủ vốn để đáp ứng hoạt động của công ty cũng như đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai.

Công ty đã xây dựng hệ thống quản trị rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 06 năm 2014

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**7.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 (VND)	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 (VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	405,033,094,465	333.541.330.304
Doanh thu bán hàng	404,190,405,375	332.643.777.563
Doanh thu cung cấp dịch vụ	842,689,090	897.552.741

7.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 (VND)	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 (VND)
Tổng các khoản giảm trừ doanh thu	18,341,817,950	25.678.597.910
Giảm giá hàng bán	2,551,061,300	240.019.600
Hàng bán bị trả lại	15,790,756,650	25.438.578.310

7.3. Doanh thu thuần

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 (VND)	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 (VND)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	386,691,276,515	307.862.732.394
Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm hàng hoá	385,848,587,425	306.965.179.653
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	842,689,090	897.552.741

7.4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 (VND)	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 (VND)
Giá vốn hàng hoá đã bán	235,547,900,270	188.288.545.174
Dự phòng(Hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	22,940,172	
Cộng	235,570,840,442	188.288.545.174

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 06 năm 2014

7.5. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 (VND)	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	256,734,328,149	196.083.800.562
Chi phí nhân công	38,870,584,848	27.064.589.226
Chi phí khấu hao TSCĐ	5,119,782,768	5.182.434.852
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27,490,143,294	19.158.471.960
Chi phí khác	5,124,562,326	2.237.706.678
Cộng	<u>333,339,401,385</u>	<u>249.727.003.278</u>

7.6. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 (VND)	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1,260,431,580	2.632.972.485
Lãi chênh lệch tỷ giá	106,666,400	101.476.489
Lãi chênh lệch tỷ giá	338,034,888	
Doanh thu hoạt động tài chính khác	170,681,965	-
Cộng	<u>1,875,814,833</u>	<u>2.734.448.974</u>

7.7. Chi phí hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 (VND)	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 (VND)
Lãi tiền vay	28,375,000	4.655.517
Lỗ chênh lệch tỷ giá	174,089,244	194.418.739
Dự phòng/hoàn nhập giảm giá các khoản đầu tư	13,333,300	(386.665.700)
Chi phí hoạt động tài chính khác	88,495	
Cộng	<u>215,886,039</u>	<u>(187.591.444)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 06 năm 2014

7.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 (VND)	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	704,882,895	974.674.187
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Cộng	704,882,895	974.674.187

7.9. Lợi nhuận sau thuế

	Từ 01/04/2014 đến 30/06/2014 (VND)	Từ 01/04/2013 đến 30/06/2013 (VND)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	34,257,797,715	29,217,933,740
Cộng	34,257,797,715	29,217,933,740

Tổng lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ quý 2/2014 là 34,257,797,715 đồng, tăng 17,25% so với quý 2/2013, là do sản phẩm tiêu thụ tăng và tăng lượng hàng bán sản phẩm độc quyền và tăng lợi nhuận từ công ty con.

8. NGHIỆP VỤ VÀ SỞ SƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau :

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 (VND)	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 (VND)
Bán hàng		
Công ty CP Giống cây trồng Miền Nam		
Mua hàng		
Công ty CP Giống cây trồng Miền Nam		

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày cuối kỳ như sau :

	30/06/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Phải thu tiền bán hàng		
Công ty CP Giống cây trồng Miền Nam		

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 06 năm 2014

9. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu được sử dụng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính Hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013 đã được soát xét và Báo cáo tài chính Hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Deloitte Việt Nam tại Hà Nội.

Ngày 08 tháng 08 năm 2014

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Như Quỳnh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Phan Thế Tý



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Kim Liên